

Số: /GPMT-UBND

Trà Vinh, ngày tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 303/CV/TA ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần Thiên Ân đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Bệnh viện đa khoa Thiên Ân và hồ sơ kèm theo;

Xét Tờ trình số 432/TTr-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án Bệnh viện đa khoa Thiên Ân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần Thiên Ân, địa chỉ tại ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Bệnh viện đa khoa Thiên Ân tại khóm 4, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Bệnh viện đa khoa Thiên Ân.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm 4, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2100350636, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 7 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 2100350636.

1.5. Loại hình dịch vụ: Y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tổng diện tích của dự án: 7.781,8 m².

- Quy mô: dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 100 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thiên Ân:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thiên Ân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày.... tháng 8 năm 2022 đến ngày tháng 8 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Thiên Ân;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở TNMT (02 bản);
- UBND thành phố Trà Vinh;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong Bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực Căn tin của Bệnh viện.
- Nguồn số 03: Nước thải giặt phát sinh từ khu vực giặt của Bệnh viện.
- Nguồn số 04: Nước thải y tế phát sinh từ các phòng, khoa y tế.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m³/ngày đêm, cụ thể:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước đô thị trên đường N6, sau đó chảy ra sông Long Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại hố ga thứ 3 sau hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m³/ngày đêm của Bệnh viện đa khoa Thiên Ân, sau đó nước thải chảy ra hệ thống cống thoát nước đô thị trên đường N6. Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1098681, Y= 593057 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được xả ra hệ thống cống thoát nước đô thị đường N6 và xả vào sông Long Bình theo phương thức tự chảy; nước thải xả mặt hoặc xả ngầm phụ thuộc chế độ thủy triều của Sông Long Bình; nước thải xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	60	
3	COD	mg/L	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8	
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	12	
7	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/L	60	
8	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/L	12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,12	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2	
12	Tổng coliforms	MPN/100mL	5.000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100mL	KPH	
15	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100mL	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Đã xây dựng mạng lưới thu gom các nguồn nước thải khác nhau phát sinh từ hoạt động Bệnh viện như:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh và nhà ở của nhân viên được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, hệ thống ống nhựa uPVC.

+ Nước thải từ căn tin sẽ được xử lý qua bể tách dầu, mỡ sau đó được thu gom vào hố thu.

+ Nước thải từ quá trình giặt được thu gom vào hố thu.

+ Nước thải y tế từ các phòng, khoa khám, chữa bệnh.

Tất cả các nguồn nước thải trên sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý. Hệ thống đường ống thu gom là ống nhựa uPVC có đường kính từ Ø90 - Ø200 và hố ga bê tông.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung 70 m³/ngày đêm: Nước thải → Song chắn rác → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Cống thoát nước đô thị đường N6 (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2).

+ Công suất thiết kế: 70 m³/ngày đêm

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramine B.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	5.650
2	Chất hàn răng amalgam thải	150
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	90
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	200
5	Pin, ắc quy thải	100
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	250
7	Giẻ lau dính dầu nhớt	50

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh

Chất thải rắn y tế thông thường: Bao gồm bao bì, thùng carton, giấy, nhựa, kim loại,... phát sinh khoảng 25 – 60 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của bệnh viện khoảng 414,9 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại lây nhiễm: Đã bố trí 119 thùng màu vàng (trong đó 114 thùng 30 lít và 5 thùng 240 lít); đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm diện tích (1,2 x 1,6) m² (kho chứa lạnh).

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Đã bố trí 33 thùng rác màu đen dung tích 30 lít; đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm diện tích (1,2 x 1,6) m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường

- Chất thải rắn y tế thông thường (rác thải tái chế): Đã bố trí 120 thùng rác màu trắng (trong đó 110 thùng 30 lít và 10 thùng 240 lít) để thu gom; đã xây dựng kho chứa rác tái chế diện tích 18 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Đã bố trí các thùng chứa rác sinh hoạt màu xanh (số lượng 291 thùng màu xanh, trong đó 98 thùng 15 lít, 170 thùng 30 lít và 23 thùng 240 lít).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án như: Rủi ro về tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ, biện pháp giảm thiểu tác động sự cố lây lan dịch bệnh do không quản lý tốt chất thải y tế, biện pháp giảm thiểu tác động khi hệ thống xử lý nước thải y tế gặp sự cố, biện pháp thực hành đảm bảo an toàn sinh học khoa xét nghiệm, biện pháp giảm thiểu an toàn phóng xạ của phòng X quang, an toàn vệ sinh thực phẩm.